TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2022/QĐST-HNGĐ	*YL, ngày 20 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Khu M, xã H, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến N có 02 con chung: Nguyễn Hồng H, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 23/01/2005. Hiện nay cháu H đã thành niên muốn ở với ai thì tùy cháu. Giao anh Nguyễn Tiến N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh H đến khi thành niên. Anh N tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu H. Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa

vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh N cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

2.2. Về tài sản chung; công nợ và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến N đều thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000 đồng và chị T thỏa thuận tự nguyện chịu thay chị anh Nguyễn Tiến N tiền án phí ly hôn là 75.000 đồng. Tổng cộng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0008462, ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị T được trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã T, huyện Y,
tỉnh Vĩnh Phúc (vào sổ hộ tịch);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh